

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1840/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 29/11/2019.

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Hòa.
2. Ông Bùi Quang Việt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2019/TLST-HNGĐ ngày 15/01/2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5746/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1974. Địa chỉ: 178 Phạm Phú Thứ, Phường 4, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: ông Nguyễn Văn Định; Luật sư Công ty Luật TNHH Hồng Luật, thuộc đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh;

2. Bị đơn: Truong Cong Lap (Lap Cong Truong), sinh năm 1974. Quốc tịch: Hoa Kỳ. Địa chỉ: 16 Ottaway Drive Greenville SC 29605 USA.

(Các đương sự vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 09 tháng 01 năm 2019 và bản khai ngày 08 tháng 5 năm 2019, nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Bà và ông Truong Cong Lap (Lap Cong Truong) tự nguyện kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 638 Quyển số 04 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22 tháng 02 năm 2007. Sau khi kết hôn hạnh phúc không bao lâu thì hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do khác biệt về tính cách và lối sống. Hai vợ chồng đã hàn gắn nhiều lần nhưng không thành nên đã sống ly thân từ năm 2007 đến nay. Ông Truong Cong Lap (Lap Cong Truong) đã trở về Hoa Kỳ và không trở lại Việt Nam từ khi ly thân cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng

không còn, khả năng đoàn tụ không có, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà làm đơn gửi Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị ly hôn với ông Trương Cong Lap (Lap Cong Truong) để có điều kiện ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thu H khai không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thu H khai không có.

Tại bản tự khai ngày 08/4/2019 đã được Tổng Lãnh sự quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại San Francisco, Hoa Kỳ chứng nhận ngày 16/4/2019, bị đơn ông Trương Cong Lap (Lap Cong Truong) trình bày: Ông và Bà Nguyễn Thị Thu H tự nguyện kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 638 Quyền số 04 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22 tháng 02 năm 2007. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung được 01 thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, kéo dài không có cách nào giải quyết được. Nay Bà H yêu cầu ly hôn thì ông cũng đồng ý ly hôn để có điều kiện ổn định cuộc sống của riêng mỗi người.

Về con chung: Ông Trương Cong Lap (Lap Cong Truong) khai không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Trương Cong Lap (Lap Cong Truong) khai không có.

Trong quá trình thu thập chứng cứ, ngày 09/01/2019 nguyên đơn Bà H có đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải, do đó vụ án không tiến hành hòa giải được.

Ngày 08/4/2019, ông Trương Cong Lap (Lap Cong Truong) có đề nghị xin vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử của Tòa án, vì lý do công việc và hiện nay ông đang sinh sống ở Hoa Kỳ, không có điều kiện trở về Việt Nam tham gia trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Ngày 21/11/2019, Bà Nguyễn Thị Thu H có đơn đề nghị Tòa án không hòa giải và xét xử vắng mặt bà.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa, có gửi bản trình bày như sau: Do ông Trương Cong Lap (Lap Cong Truong) và Bà H không chung sống cùng nhau thời gian dài, cả hai cùng thống nhất ly hôn, do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho Bà Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với ông Trương Cong Lap (Lap Cong Truong).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Thu H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly

hôn với ông Trương Công Lạp (Lạp Công Trương). Bị đơn hiện đang cư trú tại 16 Ottaway Drive Greenville SC 29605 Hoa Kỳ. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là vụ án hôn nhân và gia đình về ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về tố tụng: nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 638 Quyền số 04 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22 tháng 02 năm 2007 có đủ cơ sở để xác định quan hệ hôn nhân giữa Bà Nguyễn Thị Thu H và ông Trương Công Lạp (Lạp Công Trương) là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy, tại bản tự khai của Bà H và ông Trương Công Lạp (Lạp Công Trương) đều thừa nhận quá trình chung sống hai vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2007 cho đến nay và đồng ý ly hôn để cả hai có điều kiện ổn định cuộc sống. Xét thấy vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau san sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; nghĩa vụ sống cùng với nhau. Nay mỗi người sống mỗi nơi, không có khả năng đoàn tụ, hàn gắn, Bà H và ông Trương Công Lạp (Lạp Công Trương) đều muốn ly hôn nhưng do ông Trương Công Lạp (Lạp Công Trương) không về Việt Nam nên Tòa án không thể công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

[3.2] Về con chung: Các đương sự khai không có.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự khai không có.

[4] Về án phí, chi phí tố tụng khác:

[4.1] Về án phí:

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Khanh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0008236 ngày 08 tháng 3 năm 2019 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Khanh đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

[4.2] Về chi phí tố tụng khác: Không có.

[5] Về quyền kháng cáo: Căn cứ khoản 1 Điều 273, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thời hạn kháng cáo là 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày Bà Nguyễn Thị Thu H nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Đối với ông Trương Cong Lap (Lap Cong Truong) thời hạn kháng cáo bản án là 01 (Một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38, Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 228; Khoản 1 Điều 273; Điều 464; điểm d Khoản 1, Khoản 2 Điều 469, Khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 53, Điều 54, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 122, Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Thu H.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với ông Trương Cong Lap (Lap Cong Truong).

(Giấy chứng nhận kết hôn số 638 Quyền số 04 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22 tháng 02 năm 2007 cho Bà Nguyễn Thị Thu H và ông Trương Cong Lap (Lap Cong Truong) không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật).

1.2. Về con chung: Không có.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

2. Án phí, chi phí tố tụng khác:

2.1. Về án phí: Nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu án phí sơ thẩm số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0046010 ngày 14 tháng 01 năm 2019 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Khanh đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

2.2. Về chi phí tố tụng khác: Không có.

3. Thời hạn kháng cáo là 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày Bà Nguyễn Thị Thu H nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Đối với ông Trương Cong Lap (Lap

Cong Truong) thời hạn kháng cáo bản án là 01 (Một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TP. HCM;
- Viện kiểm sát Cấp cao tại TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM;
- Cục Thi hành án dân sự TP. HCM;
- UBND TPHCM;
- Đường sự;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Kim Khánh

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 9 giờ 30 phút ngày 29 tháng 11 năm 2019

Tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, số 26 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Quang Việt và Ông Nguyễn Ngọc Hòa.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 18/2019/TLST-HNGĐ ngày 15/01/2019 về tranh chấp ly hôn, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1974. Địa chỉ: 178 Phạm Phú Thứ, Phường 4, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Truong Cong Lap, sinh năm 1974. Quốc tịch: Hoa Kỳ. Địa chỉ: 16 Ottaway Drive Greenville SC 29605 USA.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

Biểu quyết : 3/3 các vấn đề sau:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38, Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 228; Khoản 1 Điều 273; Điều 464; điểm d Khoản 1, Khoản 2 Điều 469, Khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 53, Điều 54, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 122, Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Thu H.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với ông Trương Cong Lap (Lap Cong Truong).

(Giấy chứng nhận kết hôn số 638 Quyển số 04 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22 tháng 02 năm 2007 cho Bà Nguyễn Thị Thu H và ông Trương Cong Lap (Lap Cong Truong) không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật).

1.2. Về con chung: Không có.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

2. Án phí, chi phí tố tụng khác:

2.1. Về án phí: Nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu án phí sơ thẩm số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0046010 ngày 14 tháng 01 năm 2019 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Khanh đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

2.2. Về chi phí tố tụng khác: Không có.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nghị án kết thúc vào hồi 9 giờ 50 phút ngày 29 tháng 11 năm 2019.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Kim Khánh